

Số: 560/QĐ-ĐHCNTT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc sửa đổi Quy định đào tạo ngoại ngữ đối với hệ đại học chính quy của Trường Đại học Công nghệ Thông tin

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Căn cứ Quyết định số 134/2006/QĐ-TTg, ngày 08 tháng 6 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Công nghệ Thông tin (ĐH CNTT) thuộc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (ĐHQG-HCM);

Căn cứ Quyết định số 867/QĐ-ĐHQG, ngày 17 tháng 8 năm 2016 của Giám đốc ĐHQG-HCM về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học thành viên và Khoa trực thuộc ĐHQG-HCM;

Căn cứ Quyết định số 1342/QĐ-ĐHQG, ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Giám đốc ĐHQG-HCM về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học của ĐHQG-HCM;

Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-HĐTĐHCNTT ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng Trường Đại học CNTT;

Căn cứ Quyết định số 790/QĐ-ĐHCNTT, ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường ĐH CNTT về việc ban hành Quy chế đào tạo theo học chế tín chỉ cho hệ đại học chính quy của Trường ĐH CNTT;

Căn cứ Quyết định số 828/QĐ-ĐHCNTT, ngày 04 tháng 10 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường ĐH CNTT về việc ban hành Quy định đào tạo ngoại ngữ đối với hệ đại học chính quy của Trường ĐH CNTT;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo Đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Đối với sinh viên khóa tuyển sinh từ năm 2024 trở về sau: Chính sửa mức điểm xét công nhận tốt nghiệp, tên bậc theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc được quy định tại Điều 9 của Quy định đào tạo ngoại ngữ đối với hệ đại học chính quy của Trường Đại học Công nghệ Thông tin (ban hành theo Quyết định số 828/QĐ-ĐHCNTT, ngày 04 tháng 10 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Thông tin); như sau:

Bảng 5. Chứng chỉ/Chứng nhận tiếng Anh dùng để xét công nhận tốt nghiệp

Chứng chỉ Chương trình	TOEIC		TOEFL iBT	IELTS	Cambridge English		VNU-EPT	Chứng chỉ theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc (*)
	Nghe - Đọc	Nói - Viết			Tên cũ	Tên mới		
VB2, LT, CTC	450	185	45	4.5	PET (Pass) Business Preliminary (Pass)	A2 Key (Grade A) B1 Preliminary (Grade C) B1 Business Preliminary (Pass)	176	Bậc 3
CTTN, CLC	555	205	60	5.5	PET (Distinction) FCE (Grade C) Business Preliminary (Distinction) Business Vantage (Grade C)	B1 Preliminary (Grade B) B1 Business Preliminary (Merit)	251	Bậc 4
CTTT	675	225	79	6.0	FCE (Grade B) Business Vantage (Grade B)	B1 Preliminary (Grade A) B2 First (Grade C) B1 Business Preliminary (Distinction) B2 Business Vantage (Grade C)	281	Bậc 5

* Trường chỉ cho phép sinh viên sử dụng Chứng chỉ theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc do Bộ GD&ĐT quy định và công nhận.

Điều 2. Đối với chứng chỉ IELTS dùng để xét miễn môn học và xét tốt nghiệp: Trường cho phép sinh viên sử dụng cả IELTS Academic và IELTS General.

Điều 3. Các Ông/Bà Trưởng các Phòng, Ban, Khoa, Bộ môn, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.



Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, ĐTDH (Nh).

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Nguyễn Lưu Thùy Ngân

